TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 78/2025/QĐST-LĐ	*Dĩ An, ngày 06 tháng 5 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Kiều Thị Uyên.

***Thư ký phiên họp*:** Bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp*:** Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 60/2025/VLĐ-ST ngày 08 tháng 4 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 42/2025/VLĐ-ST ngày 25 tháng 4 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Nguyễn Phước P, sinh năm 1990; thường trú: Tổ H, khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Phước D, sinh năm 1993; thường trú: Tổ H, khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH P1; địa chỉ: Khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: đường T, Trung tâm hành chính D1, khu phố N, phường D, thành phố D.

Người đại diện hợp pháp: ông Dương Văn T, địa chỉ: Khu T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 10/04/2025), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu ngày 27/3/2025 và lời khai trong quá trình tố tụng người yêu cầu ông Nguyễn Phước P trình bày:

Từ tháng 4/2011 đến tháng 5/2014, ông Nguyễn Phước P có làm việc tại Công ty TNHH P2, địa chỉ: Đường Đ khu phố P, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7411020133. Đến nay, ông P tiến hành điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của ông bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: là do em ruột của ông P tên Nguyễn Phước D, sinh năm 1993 sử dụng thông tin của ông để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH P1 từ tháng 5/2011 đến tháng 7/2013, có tham gia bảo hiểm xã hội với mã số 741153640. Đồng thời, trong thời gian đó, ông P giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P2 đến năm 2014 thì ông P nghỉ việc.

Do đó, ông P bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 5/2011 đến tháng 7/2013 tương đương với thời gian ông Nguyễn Phước D mượn hồ sơ lao động của ông P.

Vào thời điểm năm 2011, ông Nguyễn Phước D không đủ điều kiện về độ tưởng để ứng tuyển lao động. Ông Nguyễn Phước D là em ruột của ông P nên ông P đã hỗ trợ ông Nguyễn Phước D mượn thông tin cá nhân làm hồ sơ lao động. Vì không hiểu biết về pháp luật, chỉ nghĩ đến cách tìm kế sinh nhai nên mới để lại hậu quả pháp lý như ngày hôm nay.

Vì vậy, nay ông P có yêu cầu: Tuyên Hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Phước P và Công ty TNHH P1 vô hiệu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Công ty TNHH P1:

Đã được tòa án thông báo nội dung khởi kiện và tống đạt Quyết định mở phiên họp, nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của ông Nguyễn Phước P, không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết việc lao động.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương do ông Dương Văn T là người đại diện hợp pháp trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH P1 cho người lao động thì Công ty TNHH P1 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho ông Nguyễn Phước P, sinh năm 1990, số CCCD 074090002062, với mã số BHXH 7411153640 từ tháng 05/2011 đến tháng 07/2013 tại Công ty TNHH P1 chưa nhận trợ cấp BHXH một lần.

Ngoài ra, ông Nguyễn Phước P còn có mã số 7411020133 có quá trình tham gia từ tháng 04/2011 đến tháng 05/2014 tại Công ty TNHH S hàng nội thất Phương Vân A.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa ông Nguyễn Phước P và Công ty TNHH P1, đề nghị Tòa án Nhân dân thành phố Dĩ An căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định về việc xử lý hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Công ty TNHH P1 có giao kết lại hợp đồng lao động với người mượn hồ sơ hay không?

Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của ông Nguyễn Phước P, BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này.

Về các yêu cầu khác của ông Nguyễn Phước P phía Bảo hiểm xã hội Thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Phước D trình bày:

Ông Nguyễn Phước D là em ruột của ông Nguyễn Phước P, vào thời điểm tháng 5/2011, ông D chưa đủ 18 tuổi nên không đủ điều kiện để ứng tuyển lao động, do không hiểu biết về mặt pháp luật nên ông D đã mượn hồ sơ và thông tin cá nhân của ông P để làm hồ sơ lao động.

Ông D đã mượn thông tin cá nhân của ông P và đã làm việc tại Công ty TNHH P1 khoảng từ tháng 5/2011 đến tháng 7/2013, sau đó ông D nghỉ việc tại Công ty TNHH P1.

Vì vậy, ông D đã bị đóng trùng bảo hiểm từ tháng 5/2011 đến tháng 7/2013.

Nay, đối với yêu cầu của ông Nguyễn Phước P về việc tuyên Hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Phước P và Công ty TNHH P1 vô hiệu thì ông D đồng ý.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Nguyễn Phước P, ông Nguyễn Phước D, Đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã Hội thành phố D có yêu cầu giải quyết vắng mặt, Công ty TNHH P1 vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự có tên nêu trên.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: trong thời gian từ tháng 05/2011 đến tháng 07/2013, người lao động tên Nguyễn Phước P, sinh năm 1990, số CCCD 074090002062, được Công ty TNHH P1 tham gia BHXH, BHYT, BHTN với mã số BHXH 741153640. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH P1 và ông Nguyễn Phước P phát sinh từ hợp đồng lao động tháng 05/2011 đến tháng 07/2013. Tuy nhiên, ông Nguyễn Phước P và ông Nguyễn Phước D thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P1 và thực tế làm việc tại Công ty T1 khoảng thời gian từ tháng 05/2011 đến tháng 07/2013 theo hợp đồng lao động là ông Nguyễn Phước D, không phải ông Nguyễn Phước P, do ông D mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của ông P để đi làm việc. Đối với ông P trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công Ty TNHH P2 có mã số bảo hiểm xã hội là 7411020133. Mục đích mượn giấy tờ là để ông D có việc làm do thời gian này ông D chưa đủ 18 tuổi. Trình bày của ông P và ông D phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 05/2011 đến tháng 07/2013 ông Nguyễn Phước P có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH P1 và từ tháng 04/2011 đến tháng 5/2014 ông Nguyễn Phước P có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH P2. Xét thấy việc ông D lấy tên ông P để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc ông Nguyễn Phước P yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giữa ông Nguyễn Phước P (do ông Nguyễn Phước D mượn tên) với Công ty TNHH P1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không

yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Quá trình làm việc, Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương đã cung cấp thông tin về thời gian đóng bảo hiểm xã hội của ông Nguyễn Phước P bị trùng từ tháng 05/2011 đến tháng 07/2013. Do đó, ông Nguyễn Phước P yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động được ký kết giữa Công ty TNHH P1 với ông P (do ông D sử dụng thông tin của ông P để ký) là có cơ sở chấp nhận.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: ông Nguyễn Phước P phải chịu theo quy định.

[6] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 15, 16, 49 của Bộ luật lao động;

Điều 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Toà án:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của ông Nguyễn Phước P.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa Ông Nguyễn Phước P, sinh năm 1990; thường trú: Tổ H, khu phố A, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (do ông Nguyễn Phước D ký kết) với Công ty TNHH P1 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: ông Nguyễn Phước P phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0008002 ngày 01/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- Các đương sự (04);
- Lưu :VT, hồ sơ vụ án (02).

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Kiều Thị Uyên